

HACH 5500sc

Máy phân tích SILICA

Ứng dụng

- Điện



Ít bảo dưỡng, ít phải ngưng hệ thống

Cung cấp các kết quả tin cậy để tiết kiệm thời gian quý báu và nhờ hỗ trợ của bạn.

Hoạt động liên tục 90 ngày

Chỉ sử dụng 2 lít thuốc thử các loại để thực hiện phân tích liên tục đến 90 ngày; gấp đôi so với máy phân tích Silica series 5000.

Tiết kiệm thời gian cho việc bảo dưỡng

Là máy phân tích sử dụng hệ thống nén áp suất để phân phối thuốc thử, không cần sử dụng bơm bên trong giúp giảm thiểu nhu cầu bảo dưỡng.

Tránh thời gian chết

Các công cụ chẩn đoán bao gồm Công nghệ Prognosys độc quyền của Hach, đèn LED cảnh báo và màn hình thông báo hiển thị rõ nét cho phép bạn tránh được thời gian ngừng hoạt động ngoài kế hoạch.

Thay thuốc thử dễ dàng, nhanh chóng, sạch sẽ

Không còn vấn đề về thuốc thử có thể bị rơi vãi trong thiết bị, sàn nhà hoặc lên quần áo của bạn trong quá trình dò dẫm với ống và ống hút. Với thiết kế cải tiến, giờ đây bạn chỉ cần xoay nhẹ nắp kèm ống hút vào chai kín chứa thuốc thử sao cho khớp màu với nhau.

Kiểm định dễ dàng kết quả bằng thiết bị phòng thí nghiệm nên không làm mất thời gian phỏng đoán

Tính năng lấy mẫu thô đầu vào và ra cho phép phân tích nhanh chóng một mẫu được đổ vào trong bộ phân tích và tạo thuận lợi cho việc lấy mẫu từ bộ phân tích để kiểm định lại bằng phép thử phòng thí nghiệm.

Thông số kĩ thuật*

Nguyên lý đo	So màu	Kiểu gắn	Tường, khung hoặc bảng
Thang đo	0.5 - 5000 µg/L SiO ₂	Khớp nối	Ống mẫu và lỗ chảy thoát ngang: 6 mm (¼-in.) Ống thổi khí vào: 6 mm (¼-in.)
Độ chuẩn xác	0–500 µg/L: ±1% hay ±1 µg/L giá trị đọc, chọn giá trị nào cao hơn. 500–5000 µg/L: ±5%	Nguồn yêu cầu (Voltage)	100 - 240 V AC
Độ lặp lại	± 0.5 µg/L hay ± 1 % giá trị đọc, chọn giá trị nào cao hơn	Tần số yêu cầu (Hz)	50/60 Hz
Giới hạn phát hiện thấp (LOD)	0.5 µg/L	Tín hiệu ngõ ra	4 - 20 mA
Thời gian phản hồi	Thông thường, 9.5 phút ở 25 °C (77 °F); thay đổi theo nhiệt độ	Kích thước (H x W x D)	31.7 in x 17.8 in x 14.2 in (804 mm x 452 mm x 360 mm)
Tiêu hao thuốc thử	2 L mỗi loại thuốc thử cho 90 ngày với chu kì đo 15 phút	Cấp bảo vệ vỏ máy	NEMA 4X/IP56
Thang nhiệt độ vận hành	5 - 45 °C (41 - 113 °F)	Chứng nhận	CE (EN 61326-1: 2006; EN 61010-1: 2010; EN 60529: 1991, +A1:2000) KC (EN 61326-1: 2006) C-tick (EN 61326-1: 2006) cETLus (UL 61010-1: 2012; NEMA 250: 2003; CSA C22.2 No 61010-1: 2012)
Độ ẩm hoạt động	5 - 95 % không điểm sương (chỉ dùng trong nhà)		*Có thể thay đổi mà không báo trước.
Áp suất mẫu	2 - 87 psi (đến bộ Preset Pressure Regulator)		
Nhiệt độ mẫu	5 - 50 °C (41 - 122 °F)		
Tốc độ dòng mẫu	55 - 300 mL/phút		
Số kênh đo	1, 2, 4, 6; có thể lập trình		
Lấy mẫu thô	Khả năng lấy mẫu vào, ra		

Nguyên lý hoạt động

Silica có trong mẫu phản ứng với các ion molybdate dưới điều kiện môi trường mang tính axit để tạo thành các phức axit silicomolybdic. Sự bổ sung axit citric để phá hủy các phức của photphat. Thuốc thử AminoAxit sau đó được cho vào để khử axit silicomolybdic màu vàng thành màu xanh dương cường độ màu tỉ lệ thuận với nồng độ silica. Test được đo ở bước sóng 815 nm.

[40]
1.57

[192.6]
7.58

[585.5]
27.03

Technical drawing of the top view of the 1000 Series Case, showing dimensions and features:

- POWER CABLE INPUT (2)**
(NOT FOR CONDUIT)
(21.44) Ø 24.4
- COMMUNICATIONS AND NETWORK MODULES**
(18.50) Ø 41.0 (2)
- DRAIN VENT (KEEP OPEN)**
- ELECTRICAL ACCESS PORTS**
- PUMPING ACCESS PORTS**
- CASE DRAIN**
(12.55) Ø 4.493

Dimensions:

- Overall Width: [302.5] 11.91
- Distance from Left Edge to Cable Input: [57.9] 2.28
- Distance from Cable Input to Drain Vent: [62.5] 2.46
- Distance from Drain Vent to Communications Module: [28.5] 1.12
- Distance from Cable Input to Communications Module: [125.9] 4.96
- Distance from Left Edge to Pumping Access Ports: [80.4] 3.16
- Distance from Pumping Access Ports to Case Drain: [125.5] 4.96
- Overall Length: [423.1]

Technical drawing of the rear view of the 1000 Series 2000mm chassis. The drawing shows the rear panel with a central connector port and four side ports. Dimensions are provided in millimeters (mm) and inches (in).

- Overall width: 280 mm (11.02 in)
- Distance from center to side ports: 140 mm (5.51 in)
- Distance from center to side ports (inner): 40 mm (1.57 in)
- Distance from top to side ports: 52.5 mm (2.07 in)
- Distance from bottom to side ports: 217.4 mm (8.56 in)

hach.com

Thông tin đặt hàng

5500.KTO.S0.A1U	Hach 5500sc Silica Analyzer, Hoá chất độc quyền, AC, 1 kênh đo, bao gồm bộ thuốc thử Hach dùng để khởi động và chạy trong 90 ngày
5500.KTO.S0.A2U	Hach 5500sc Silica Analyzer, Hoá chất độc quyền, AC, 2 kênh đo, bao gồm bộ thuốc thử Hach dùng để khởi động và chạy trong 90 ngày
5500.KTO.S0.A4U	Hach 5500sc Silica Analyzer, Hoá chất độc quyền, AC, 4 kênh đo, bao gồm bộ thuốc thử Hach dùng để khởi động và chạy trong 90 ngày
5500.KTO.S0.A6U	Hach 5500sc Silica Analyzer, Hoá chất độc quyền, AC, 6 kênh đo, bao gồm bộ thuốc thử Hach dùng để khởi động và chạy trong 90 ngày

Thuốc thử

6783600	Bộ thuốc thử dùng cho máy Silica 5500sc
6774802	Thuốc thử Silica 1, dùng cho máy 5500Sc, 2L
6774902	Thuốc thử Silica 2, dùng cho máy 5500Sc, 2L
6775102	Thuốc thử Silica 2, dùng cho máy 5500Sc, Pkg
6775002	Chất chuẩn Silica 1, dùng cho máy 5500sc, 2L

Phụ kiện/Tùy chọn

6787000	Kit, Retrofit Panel, S5000 sang 5500sc
9179700	Dây điện nối nguồn, chuẩn Bắc Mỹ
6786600	Sample Adapter Kit bằng thép không gỉ
1757700	Bộ làm mát mẫu
6792500	Module Kit, ModBus (sc200)
6792600	Module Kit, Profibus (sc200)

HACH COMPANY World Headquarters: Loveland, Colorado USA

United States:	800-227-4224 tel	970-669-2932 fax	orders@hach.com
Outside United States:	970-669-3050 tel	970-461-3939 fax	int@hach.com
hach.com			

LIT2809

E13 Printed in U.S.A.

©Hach Company, 2013. All rights reserved.

In the interest of improving and updating its equipment,

Hach Company reserves the right to alter specifications to equipment at any time.



Be Right™